HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 27/2011/NQ-HĐND	*Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 12 năm 2011*

CÔNG VĂN ĐẾN Số 11
ngày 03 tháng 01 năm 2012

NGHỊ QUYẾT
Về Chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2012 - 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư, ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 14/11/2011 của UBND tỉnh về đề nghị thông qua Quy định về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2012 - 2015; Báo cáo thẩm tra số 63 /BC-KTNS, ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành thông qua Nghị quyết về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012 - 2015, với những nội dung cụ thể sau:

1. Mục tiêu:

Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển bền vững, có hiệu quả qua đó thúc đẩy phát triển cộng đồng doanh nghiệp, tạo việc làm và thu nhập cho người dân; khai thác một cách có hiệu quả và phát huy tối đa các thế mạnh của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế, xã hội giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

2. Đối tượng, phạm vi áp dụng:

Ngoài những quy định của Trung ương về chính sách ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, các quy định hiện hành khác của Chính phủ về ưu đãi, khuyến khích đầu tư, tỉnh Đắk Lắk quy định thực hiện hỗ trợ đầu tư cho các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo các điều khoản được quy định trong Nghị quyết này.

Đối tượng được hưởng các ưu đãi đầu tư tại Nghị quyết này bao gồm: nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) có

dự án đầu tư tại tỉnh phù hợp với quy hoạch của tỉnh và danh mục ngành nghề, lĩnh vực khuyến khích đầu tư ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Các chính sách hỗ trợ:

3.1. Hỗ trợ đào tạo lao động.

Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư thuộc danh mục lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích đầu tư theo Nghị quyết này, nếu không thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực quy định tại Nghị định 61/2010/NĐ-CP của Chính phủ, và đáp ứng điều kiện có hợp đồng sử dụng tối thiểu 30 (ba mươi) lao động và phải sử dụng ít nhất 50% tổng số lao động của doanh nghiệp có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đăk Lăk với thời hạn từ hai (02) năm trở lên, thì được hưởng mức hỗ trợ đối với số lao động trên như sau:

a. Hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề cho lao động chưa qua đào tạo, nhưng không quá 2.000.000 (hai triệu) đồng/người/khóa học đối với lao động là người dân tộc thiểu số, và không quá 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/người/khóa học đối với các đối tượng lao động làm việc cho dự án đầu tư tại địa bàn các phường của thành phố Buôn Ma Thuột và thị xã Buôn Hồ;

Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo nghề cho lao động chưa qua đào tạo, nhưng không quá 3.000.000 (ba triệu) đồng/người/khóa học đối với lao động là người dân tộc thiểu số, và không quá 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng/người/khóa học đối với các đối tượng lao động làm việc cho dự án đầu tư còn lại trên địa bàn của tỉnh.

b. Thời gian cho một khóa đào tạo từ 01 (một) đến 06 (sáu) tháng;

c. Nhà đầu tư chỉ được hưởng hỗ trợ đào tạo tối đa 03 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được cấp có thẩm quyền chấp thuận đầu tư;

d. Mỗi người lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo 01 (một) lần.

3.2. Hỗ trợ tín dụng.

a. Nhà đầu tư đủ điều kiện vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh được ưu tiên vay theo quy định của Quỹ đầu tư phát triển.

b. Trường hợp nguồn vốn của Quỹ đầu tư phát triển không đáp ứng được cho khoản vay, hoặc lĩnh vực đầu tư của dự án chưa được quy định tại danh mục vay vốn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh, thì nhà đầu tư có thể vay vốn từ Ngân hàng thương mại để thực hiện dự án và được hỗ trợ lãi vay, tính theo tỷ lệ phần trăm (%) phần chênh lệch lãi suất giữa Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh và Ngân hàng thương mại. Tổng số tiền hỗ trợ không quá 1 (một) tỷ đồng cho mỗi dự án.

Mức hỗ trợ cho mỗi dự án đầu tư theo từng địa bàn như sau:

- Hỗ trợ 50% (năm mươi phần trăm) lãi suất cho các dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn TP. Buôn Ma Thuột;

- Hỗ trợ 80% (tám mươi phần trăm) lãi suất cho các dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn các huyện: Ea Súp, Buôn Đôn, M'Drắk, Krông Bông, Lắk;

- Hỗ trợ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) lãi suất cho các dự án đầu tư thực hiện ở các địa bàn còn lại trong tỉnh.

c. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất cho nhà đầu tư theo kỳ thanh toán tiền lãi vay (Ngân hàng thương mại cho vay có trách nhiệm thẩm định dự án để cho vay theo quy định của ngân hàng).

3.3. Hỗ trợ xây dựng đường giao thông.

Dự án thuộc các lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại – Du lịch được hỗ trợ kinh phí xây dựng đường giao thông đến hàng rào của dự án theo các mức sau:

+ Dự án đầu tư trên địa bàn các huyện Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, Krông Bông và M'Đrắk: được hỗ trợ 60% tổng mức đầu tư nhưng không quá 06 (sáu) tỷ đồng cho mỗi dự án.

+ Dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư nhưng không quá 02 (hai) tỷ đồng cho mỗi dự án.

+ Dự án đầu tư trên các địa bàn còn lại trong tỉnh: được hỗ trợ 40% tổng mức đầu tư nhưng không quá 4 (bốn) tỷ đồng cho mỗi dự án.

3.4. Hỗ trợ xây dựng đường điện hạ thế.

Các dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại - Du lịch được hỗ trợ đầu tư đường điện hạ thế đến hàng rào dự án đầu tư.

Điều 2. Ngân sách để thực hiện khuyến khích, hỗ trợ đầu tư.

UBND tỉnh đảm bảo cân đối, bố trí ngân sách địa phương đủ để thực hiện các chính sách nói trên.

Điều 3. Danh mục, lĩnh vực khuyến khích, hỗ trợ đầu tư.

Danh mục, lĩnh vực khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phải phù hợp với các quy hoạch *(có Phụ lục kèm theo)*.

Danh mục đầu tư sẽ được UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh để thống nhất điều chỉnh theo từng thời gian cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. HĐND tỉnh giao UBND tỉnh hướng dẫn việc thực hiện; đồng thời, triển khai các giải pháp chủ yếu về cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh.

2. Hàng năm, UBND tỉnh tổ chức tổng kết đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết, đề xuất HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung nội dung Nghị quyết cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND ngày 08/10/2008 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư ngoài khu, cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Các dự án đang được hưởng chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND, ngày 08/10/2008 vẫn tiếp tục được hưởng chính sách khuyến khích, hỗ trợ theo Nghị quyết 17/2008/NQ-HĐND.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá VIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2011./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Bộ: Tài chính, KHĐT, NN-PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ KHĐT;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở: TP, TC, KH-ĐT;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Trưởng, Phó P. Ct HĐND.110

CHỦ TỊCH

Niê Thuật

PHỤ LỤC
DANH MỤC NGÀNH NGHỀ, LĨNH VỰC KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND, ngày 22/12/2011 của HĐND tỉnh)

I. Công nghiệp:

1. Đầu tư sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, bảo quản và chế biến nông sản, thiết bị tưới công nghệ mới;

2. Sản xuất: thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản; thuốc thú y; sản xuất phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp; sản xuất thức ăn chăn nuôi;

3. Sản xuất sản phẩm tiêu dùng từ mủ cao su;

4. Chế biến gạo xuất khẩu, chế biến dược liệu;

5. Phát triển năng lượng khí sinh học và sản xuất năng lượng tái sinh (trừ thủy điện); năng lượng gió, năng lượng mặt trời;

6. Sản xuất gạch không nung;

7. Sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;

8. Đầu tư xây dựng các phòng thử nghiệm, thí nghiệm chất lượng cao;

9. Nhà máy dệt may, nhà máy sản xuất giày da có sử dụng 200 lao động trở lên;

10. Đầu tư xây dựng nhà ở, nhà cho thuê cho công nhân làm việc tại các khu, cụm công nghiệp.

II. Nông nghiệp:

1. Trồng cây làm dược liệu.

2. Chăn nuôi tập trung: Có quy mô 500 con trâu bò, 1.000 con heo, 10.000 con gia cầm trở lên;

3. Quy mô thủy sản: Nuôi cá nước lạnh (cá Tầm, cá Hồi) có quy mô sản lượng $\geq$ 20 tấn /năm; nuôi cá bằng: Lồng, bè (cá Lăng, cá Diêu Hồng, cá Rô Phi đơn tính) thâm canh, có quy mô sản lượng > 50 tấn/năm.

4. Sản xuất rau an toàn, hoa chất lượng cao;

5. Đầu tư xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao.

III. Thương mại – du lịch:

1. Đầu tư xây dựng chợ loại 1, trung tâm thương mại, siêu thị tại địa bàn khu vực các thị trấn và thị xã Buôn Hồ;

2. Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, di tích văn hoá, lịch sử, bảo tồn, bảo tàng;

3.Đầu tư xây dựng kho, bãi và các dịch vụ lưu giữ, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

IV. Giáo dục - đào tạo - y tế:

1. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề ngoài công lập;

2. Thành lập bệnh viện tư nhân.

V. Môi trường:

Đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn.